



shēng qǐ

升起

verb · to rise, ascend

Example Sentences

tài yáng cóng dōng fāng shēng qǐ
太阳从东方升起。

The sun rises from the east.

qì qiú màn màn shēng qǐ dào kōng zhōng
气球慢慢升起到空中。

The balloon slowly rises into the air.

Trace each character, then write the word on your own.

升	升	升	升	升	升	升													
起	起	起	起	起	起	起	起	起	起	起	起	起	起	起	起				
起	起																		